

Số: 73/2025/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 27 tháng 10 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

#### **Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT- BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

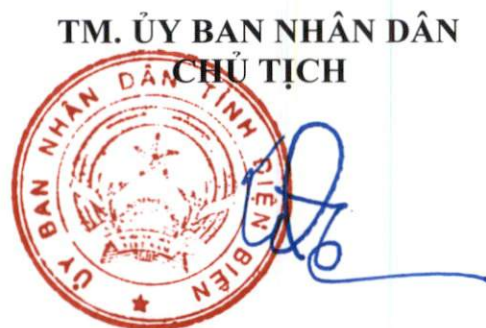
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm TT-HN-NK;
- Lưu: VT, KT. ✓



**Lê Thành Đô**

**QUY ĐỊNH****Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2025/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1: Phạm vi thực hiện**

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

1. Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.
2. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

Định mức này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

**Điều 3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật**

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường; Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Công văn số 6647/BTNMT-QHPTTND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương.

#### **Điều 4. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt**

##### 1. Giải thích thuật ngữ

a) Xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Các tham số của tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các tham số của xã được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

##### 2. Quy định từ viết tắt:

Bảng số 01

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Địa chính viên hạng II bậc 2	ĐCVC2
2	Địa chính viên hạng II bậc 3	ĐCVC3
3	Địa chính viên hạng III bậc 1	ĐCV1
4	Địa chính viên hạng III bậc 2	ĐCV2
5	Địa chính viên hạng III bậc 3	ĐCV3
6	Đơn vị tính	ĐVT
7	Số thứ tự	STT
8	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn (tháng)

9	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ
10	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
11	Hội đồng nhân dân	HDND
12	Ủy ban nhân dân	UBND
13	Xã trung bình	Xã TB

### Điều 5. Hệ số và nguyên tắc áp dụng

1. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên được quy định trong tập định mức này (M)

Áp dụng cho tỉnh Điện Biên:

Hệ số áp lực về kinh tế  $K_{kt}=1$ , hệ số áp lực về dân số  $K_{ds}=1$ , hệ số áp lực về đô thị  $K_{dt}=1$ .

Mức cụ thể (MT) tính theo công thức sau:  $MT = MK_{kt}K_{ds}K_{dt}$

Trong đó:

$K_{kt}$ : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 02

GRDP bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<5,0	5,0-<6,0	6,0-<7,0	7,0-<8,0	8,0-<9,0	9,0-<10,0	≥ 10,0
<35	0,9	0,95	1	1,05	1,1	1,15	1,2
35 - <40	0,95	1	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25
40 - <45	1	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3
45 - <50	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35
50 - <55	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4
55 - <60	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4	1,45
≥60	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4	1,45	1,5

*Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (số liệu năm định hình kế hoạch) với giá so sánh năm 2020.*

$K_{ds}$ : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 03

Mật độ dân số trung bình (người/km <sup>2</sup> )	$K_{ds}$
< 110	0,70
110 - < 290	0,71 - 0,99

290 - < 350	1,00 - 1,03
350 - < 500	1,04 - 1,07
500 - < 700	1,08 - 1,13
700 - < 900	1,14 - 1,19
900 - < 1.100	1,20 - 1,25
1.100 - < 1.300	1,26 - 1,31
1.300 - < 1.500	1,32 - 1,37
$\geq 1.500$	1,38

*Ghi chú:*

Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng.

Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

2. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã được quy định trong tập định mức này ( $M_{tb}$ ) áp dụng cho đơn vị xã có hệ số quy mô diện tích  $K_s=1$  (diện tích trung bình là 25.000 ha), hệ số áp lực về kinh tế  $K_{kt}=1$ , hệ số áp lực về dân số  $K_{ds}=1$ , hệ số áp lực về đô thị  $K_{dt}=1$ .

Mức cụ thể cho từng xã (MH) tính theo công thức sau:

$$MH = M_{tb}K_{kt}K_{ds}K_sK_{dt}$$

Trong đó:

$K_{kt}$ : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau.

Bảng số 04

Giá trị sản xuất bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<4,0	4,0<6,0	6,0 - <8,0	8,0 - <10	10- <11	11<12,5	$\geq 12,5$
< 20	0,8	0,85	0,9	0,95	1	1,05	1,1
20 - < 22	0,85	0,9	0,95	1	1,05	1,1	1,15
22 - < 24	0,9	0,95	1	1,05	1,1	1,15	1,2
24 - < 26	0,95	1	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25
26 - < 28	1	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3
28 - < 30	1,05	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35
30 - < 32	1,1	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4
32 - < 34	1,15	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4	1,45
$\geq 34$	1,2	1,25	1,3	1,35	1,4	1,45	1,5

*Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với giá so sánh năm 2020.*

$K_{ds}$ : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau.

Bảng số 05

Mật độ dân số trung bình (người/km <sup>2</sup> )	K <sub>ds</sub>
< 50	0,65
50 - < 100	0,66 - 0,99
100 - < 150	1,00 - 1,03
150 - < 200	1,04 - 1,08
200 - < 250	1,09 - 1,12
250 - < 300	1,13 - 1,17
≥ 300	1,20

*Ghi chú:*

*Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;*

*Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.*

*K<sub>s</sub>: Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:*

Bảng số 06

Diện tích tự nhiên (ha)	K <sub>s</sub>
<5.000	0,6
5.000 - < 10.000	0,61 - 0,75
10.000 - < 15.000	0,76 - 0,85
15.000 - < 20.000	0,86 - 0,99
20.000 - < 25.000	1,00 - 1,04
25.000 - < 30.000	1,05 - 1,10
30.000 - < 35.000	1,11 - 1,15
35.000 - < 40.000	1,16 - 1,19
≥ 40.000	1,2

*Ghi chú:*

*Số liệu diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;*

*Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.*

*K<sub>dt</sub>: Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:*

Bảng số 07

Loại đô thị	K <sub>dt</sub>
Các phường thuộc đô thị khác	1,20

## **Điều 6. Các quy định khác**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm các định mức thành phần sau:

a) Định mức lao động: Là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

Nội dung công việc: Liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

Định biên: Xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện của từng nội dung công việc theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Định mức: Quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện bước công việc) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 08 giờ làm việc.

b) Định mức sử dụng vật liệu, dụng cụ và thiết bị

Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một công việc); đơn vị tính theo đơn vị của từng loại vật liệu/đơn vị sản phẩm.

Định mức sử dụng dụng cụ và thiết bị: Là thời gian sử dụng dụng cụ và thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc); thời hạn sử dụng dụng cụ và thiết bị tính là tháng.

Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị và được tính theo công thức:

Định mức điện = Công suất thiết bị/giờ x 08 giờ làm việc x số ca sử dụng thiết bị) + 5% hao hụt.

Định mức cho các dụng cụ có giá trị thấp được tính bằng 5% định mức dụng cụ được tính tại bảng định mức dụng cụ.

Định mức vật liệu có giá trị thấp được tính bằng 8% định mức vật liệu được tính tại bảng định mức vật liệu.

2. Định mức này chỉ quy định mức cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; kiểm tra, nghiệm thu; các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

**Điều 7.** Trong quá trình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

## **Chương II**

### **LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH**

#### **Điều 8. Định mức lao động**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

#### **Điều 9. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh**

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn,...);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất, nước, rừng, khoáng sản;...);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí, nước, đất, chất thải rắn, sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;

b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

**Điều 10. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

**Điều 11. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

### **Điều 12. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất**

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 13. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

### **Điều 14. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu ...).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 15. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm**

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 16. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

- a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;
- b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

8. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

9. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.
12. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:
- a) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);
- b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.

### **Điều 17. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất**

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.
2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.

### **Điều 18. Nội dung định mức**

1. Định mức lao động

Bảng số 08

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
<b>I</b>	<b>Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>			
<b>1</b>	<b>Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu</b>			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	192	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	3	

b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	52	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		11
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		3
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
2	<b>Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh</b>			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn;...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản;...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất ( xói mòn, sạt lở đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	33	

3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất			
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
3	<b>Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	13	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	7	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
4	<b>Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước</b>			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	38	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3,	9	

		1ĐCV2)		
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
<b>5</b>	<b>Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất</b>			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	23	
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
<b>6</b>	<b>Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch</b>			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
<b>7</b>	<b>Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch</b>			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu ...).	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4

3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
<b>8</b>	<b>Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm</b>			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
<b>9</b>	<b>Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất</b>			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã:			

a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	32	12
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
7	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
8	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	14	
9	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
d	Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1

e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	48	
12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in)	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	90	12
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	2
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
<b>10</b>	<b>Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất</b>			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	105	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	35	
	<b>Tổng</b>		<b>1.592</b>	<b>65</b>

## 2. Định mức thiết bị

Bảng số 09

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp

1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu(%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<b>Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	100,00
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	

8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

## 3. Định mức dụng cụ

Bảng số 10

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		278
12	Ba lô	Cái	24		555
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	645	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	387	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	968	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
19	Sạc pin	Cái	12		17,5
20	Máy tính bảng	Cái	60		17,5
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.936	
22	Điện năng	Kw		17.826	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		<b>100,00</b>	
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	

2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

#### 4. Định mức vật liệu

Bảng số 11

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phô tô	Hộp	32,5	

16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	18,34	23,08
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	8,35	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,14	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	7,35	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	2,39	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,90	9,23
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,9	9,23
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	4,9	9,23
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	36,93	49,23
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	8,8	

### Chương III

## ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

### Điều 19. Định mức lao động

1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chinh lý thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

**Điều 20. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh**

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn,...);

- b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản;...);
- c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);
- d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

- a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;
- b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;
- c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

**Điều 21. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

**Điều 22. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 5 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử

dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 5 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

**Điều 23. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất**

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

**Điều 24. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 25. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu ...).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử

dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 26. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm**

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 27. Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

8. Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm cuối theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

9. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

- b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;  
 c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

### **Điều 28. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**

1. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

### **Điều 29. Nội dung định mức**

1. Định mức lao động

Bảng số 12

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
<b>1</b>	<b>Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu</b>			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	144	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			

a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	2	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	39	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyên dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		10
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		2
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
2	<b>Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh</b>			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn,...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	6	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản,...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	6	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản,...);	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	6	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (xói mòn, sạt lở đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	

2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	18	
3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất			
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
3	<b>Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	12	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	6	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
4	<b>Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 5 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước</b>			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	29	

4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	5	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
<b>5</b>	<b>Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất</b>			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	12	
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
<b>6</b>	<b>Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch</b>			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
<b>7</b>	<b>Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch</b>			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu ...).	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	11	

2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
8	<b>Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm</b>			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	2
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	31	2
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	10	
9	<b>Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất</b>			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	

	102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.			
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã:			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	24	2
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
7	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
8	Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	10	
9	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh			
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1
d	Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1

đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1
e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	1
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
12	Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in)	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	34	
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	34	
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	36	
10	<b>Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất</b>			
a	Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	90	
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
	<b>Tổng</b>		<b>1080</b>	<b>29</b>

## 2. Định mức thiết bị

Bảng số 13

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phun tô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu(%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	<b>Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	100,00
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	

5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất	10,00	

### 3. Định mức dụng cụ

Bảng số 14

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		278
12	Ba lô	Cái	24		555
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	645	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	387	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	968	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
19	Sạc pin	Cái	12		17,50
20	Máy tính bảng	Cái	60		17,50
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.936	
22	Điện năng	Kw		17.826	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		<b>100,00</b>	
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	9,00	
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	12,00	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,00	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	10,00	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	3,00	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	3,00	
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	5,00	
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	5,00	
9	Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	40,00	
10	Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	10,00	

#### 4. Định mức vật liệu

Bảng số 15

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	

10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phôi tô	Hộp	32,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	18,34	23,08
2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh	8,35	
3	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	3,14	
4	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	7,35	
5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất	2,39	
6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,90	9,23
7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	4,9	9,23
8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm	4,9	9,23
9	Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	36,93	49,23
10	Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	8,8	

**Chương IV**  
**LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**  
**SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ**

**Điều 30. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của địa phương; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

**Điều 31. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng môi trường, biến đổi khí hậu và đánh giá các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã**

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên, gồm: vị trí địa lý, địa hình, địa mạo, địa chất, khí hậu, thủy văn và các yếu tố khác có liên quan;

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên, gồm: đất, nước, rừng, khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan (nếu có);

c) Phân tích hiện trạng môi trường, gồm: không khí, đất, nước, chất thải rắn, sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan (nếu có);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất, gồm: xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan (nếu có).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã, gồm: các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất; các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng môi trường, biến đổi khí hậu và đánh giá các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã.

**Điều 32. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan). Trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất kỳ trước thì đánh giá trên cơ sở nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp xã trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt (trước ngày 01/7/2025).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

**Điều 33. Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất**

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch, gồm:

a) Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế - xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và các yếu tố khác có liên quan);

b) Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.

**Điều 34. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

**Điều 35. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm: Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh; chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất, gồm: Chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã và các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch.

7. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

8. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

9. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

10. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

11. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

12. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

### **Điều 36. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã**

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã được thực hiện như theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35 Quy định này.

### **Điều 37. Nội dung định mức**

1. Định mức lao động

Biểu số 16

STT	Nội dung công việc	Định biên	Định mức	
			(công nhóm/ xã TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp

<b>1</b>	<b>Điều tra thu thập thông tin</b>			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch/ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		136
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	36	
3	Điều tra, khảo sát thực địa	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	19
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyên dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		19
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	34	
<b>2</b>	<b>Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.</b>			

1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	32	
3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
<b>3</b>	<b>Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã</b>			
1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	23	
2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
.3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	17	
<b>4</b>	<b>Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã</b>			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	17	
<b>5</b>	<b>Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước</b>			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	18	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan)	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	32	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	34	
<b>6</b>	<b>Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.</b>			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5ĐCV3,	26	

7	<b>Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch</b>	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	64	
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông,	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	42	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	21	
<b>8</b>	<b>Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất</b>			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	120	-
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phân theo đơn vị hành chính cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	

4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
7	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
8	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
9	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
10	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
11	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	60	
12	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	39	

## 2. Định mức thiết bị

Bảng số 17

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	

7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

**Cơ cấu (%) sử dụng máy móc, thiết bị theo các bước**

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,00	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4,00	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	4,00	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	12,00	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11,00	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	8,00	
8	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	

## 3. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 18

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.604	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.604	
3	Chuột máy tính	Cái	12	3.907	
4	Bút trình chiếu	Cái	12	5	
5	Màn chiếu điện	Cái	12	5	
6	Máy tính casio	Cái	60	651	
7	Giá để tài liệu	Cái	60	1.085	
8	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.085	
9	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	3.907	
10	Quần áo mưa	Bộ	12		48
11	Đồng hồ treo tường	Cái	24	1.085	
12	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	1.085	
13	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	362	
14	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	217	
15	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.085	
16	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	543	
17	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		155
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		155
19	Sạc pin	Cái	60		78
20	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	60		620
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.085	

## Cơ cấu (%) sử dụng dụng cụ lao động theo các bước

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100,00	100,00
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13,0	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,00	

3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tinh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4,00	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	4,00	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	12,00	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11,00	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	8,00	
8	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40,00	

#### 4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 19

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	USB (32G)	Cái	145	20
2	Bút dạ màu	Bộ	10	20
3	Bút nhớ dòng	Cái	10	29
4	Bút bi nước My gel	Cái	10	58
5	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
6	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
7	Mực in màu A4	Hộp	4	
8	Mực in màu A3	Hộp	2	
9	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	1	
10	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
11	Đầu phun màu A4	Chiếc	2	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	4	
14	Mực phôi tô	Hộp	11	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		145
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	120	
18	Giấy in A0	Cuộn	6	

Cơ cấu (%) tiêu hao vật liệu động theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100	100
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13	100

2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	4	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử đất kỳ trước	12	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	8	
8	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất	40	

## Chương V

### LẬP KẾ HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ

#### **Điều 38. Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã trong Quy hoạch sử dụng đất cấp xã**

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong kế hoạch kỳ trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong kỳ kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong kỳ kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong kỳ kế hoạch;

b) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất và được phân theo từng năm kế hoạch.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong kỳ kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch.

5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong kỳ kế hoạch, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong kỳ kế hoạch.

7. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

8. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

**Điều 39: Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã**

Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã; các tài liệu có liên quan.

**Điều 40. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng cấp xã**

Điều chỉnh kế hoạch sử dụng cấp xã được thực hiện như theo quy định tại các Điều 38, 39 Quy định này.

**Điều 41. Nội dung định mức**

1. Định mức lao động

Bảng số 20

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
<b>1</b>	<b>Lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã trong Quy hoạch sử dụng đất cấp xã</b>			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong kế hoạch kỳ trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong kỳ kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong kỳ kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong kỳ kế hoạch;	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất và được phân theo từng năm kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	

	dụng đất trong kỳ kế hoạch.			
5	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong kỳ kế hoạch, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
6	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong kỳ kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
7	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã,			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	22	8
b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
8	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
2	<b>Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã của quy hoạch sử dụng đất cấp xã</b>			
1	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã của quy hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã của kế hoạch sử dụng đất cấp xã.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
	<b>Tổng</b>		<b>1182</b>	<b>58</b>

## 2. Định mức thiết bị

Bảng số 21

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/xã TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp

1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	0,8	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	4,2	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,1	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,8	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	6.080	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.740	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	715	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		53
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	3	
14	Điện năng	Kw			39.280	

Cơ cấu (%) sử dụng sử dụng máy móc, thiết bị theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13	100,00
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến kế hoạch sử dụng đất cấp xã	4	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 05 năm trước, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	12	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ kế hoạch	8	
8	Xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất	40	

## 3. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 22

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	2.604	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	2.604	
3	Chuột máy tính	Cái	12	3.907	
4	Bút trình chiếu	Cái	12	5	
5	Màn chiếu điện	Cái	12	5	
6	Máy tính casio	Cái	60	651	
7	Giá để tài liệu	Cái	60	1.085	
8	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.085	
9	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	3.907	
10	Quần áo mưa	Bộ	12		48
11	Đồng hồ treo tường	Cái	24	1.085	
12	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	1.085	
13	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	362	
14	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	217	
15	Quạt thông gió 0,04 KW	Cái	60	1.085	
16	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	543	
17	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	60		155
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		155
19	Sạc pin	Cái	60		78
20	Pin máy ảnh kỹ thuật số và máy định vị	Cái	60		620
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.085	

Cơ cấu (%) định mức dụng cụ lao động theo các bước

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13	100,00

2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8,00	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4,00	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến kế hoạch sử dụng đất cấp xã	4,00	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 05 năm trước, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	12,00	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11,00	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ kế hoạch	8,00	
8	Xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất	40,00	

#### 4. Định mức tiêu hao vật liệu

Biểu số 23

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	USB (32G)	Cái	145	20
2	Bút dạ màu	Bộ	10	20
3	Bút nhớ dòng	Cái	10	29
4	Bút bi nước My gel	Cái	10	58
5	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
6	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
7	Mực in màu A4	Hộp	4	
8	Mực in màu A3	Hộp	2	
9	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	1	
10	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
11	Đầu phun màu A4	Chiếc	2	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài	Cái	4	
14	Mực phô tô	Hộp	11	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		145
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	120	
18	Giấy in A0	Cuộn	6	

Cơ cấu (%) định mức tiêu hao vật liệu theo các bước:

STT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		100	100

1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu	13	100
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã	8	
3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã	4	
4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã	4	
5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 05 năm trước, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	12	
6	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.	11	
7	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ kế hoạch	8	
8	Xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất	40	